TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2017/HNGĐ-ST
Ngày 24-8-2017
V/v "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Kim Thành

2. Ông Đỗ Trường Tam

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2017 về "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Mỹ L, sinh năm: 1990, (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 3, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.

Tạm trú: Tổ 29, ấp XB, xã HT, huyện GD, tỉnh TN.

- *Bị đơn*: Anh Châu Văn D, sinh năm: 1991, (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 3, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-6-2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Châu Văn D chung sống với nhau từ vào tháng 12-2013, có tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN (Giấy đăng ký số 179/2013 ngày 31-12-2013). Sau khi cưới, anh chị sống chung với mẹ ruột anh D tại Tổ 4, ấp 3, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN. Đến tháng 6-2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D thường xuyên uống rượu, có lần phải nhập viện để cấp cứu, không quan tâm chăm sóc cho gia đình, vợ con. Công việc của anh D là đi buôn bán tăng, thường xuyên đi xa nhà có khi đến gần 05 tháng mới về nhà một lần. Chị đã nhiều

lần khuyên anh D nghĩ buôn bán ở nhà xin vào làm công ty làm để gần gủi vợ con, nhưng anh D không đồng ý. Nên gần sinh con chị về nhà cha mẹ ruột tại ấp XB, xã HT, huyện GD, tỉnh TN sinh sống từ tháng 12-2014. Tháng 01-2017, anh chị sống ly thân cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Châu Hoàng D', sinh ngày 18-12-2014, hiện cháu D' đang sống với chị. Chị có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vàng cưới còn lại gồm 01 lắc tay 02 chỉ vàng 24 K, 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24 K, hiện số vàng này chị đang giữ. Chị không yêu cầu giải quyết, anh chị tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Ngày 23-8-2017 chị L có đơn xin giải quyết vắng mặt do bận đi làm.

Bị đơn anh Châu Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án , Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng là chị L, anh D đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị L có đơn xin giải quyết vắng mặt; anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh D; về con chung: Giao chị L tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, ghi nhận chị L không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Chị L không yêu cầu nên không giải quyết; về nợ chung: Chị L khai không có nên không giải quyết. Nếu sau này anh D có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn anh Châu Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ L có đơn xin giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Phạm Thị Mỹ L và anh Châu Văn D là tự nguyện và hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống đến tháng 12/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh D đi buôn bán tăng, thường xuyên đi xa nhà, không quan tâm chăm sóc cho vợ con, cuộc sống vợ chồng không ai quan tâm đến ai, những khi ở nhà anh D thường xuyên uống rượu, nên vợ chồng phát sinh cải vã nhau. Sau khi sinh con, chị L ở bên gia đình cha mẹ ruột. Từ tháng 01-2017 anh chị sống ly thân. Còn anh D, mặc dù đã được Tòa án triệu tập để thu thập chứng cứ, tham gia

hòa giải và xét xử nhưng anh D vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Lệ và cũng không thể hiện thiện chí để đoàn tụ.

[3] Qua xác minh bà Nguyễn Thị T là mẹ ruột của anh D thể hiện: Anh D có hộ khẩu và đang sống chung nhà với bà tại Tổ 4, ấp 3, xã BĐ, huyện GD, nhưng anh Du thường xuyên đi mua bán tăng ở MT không có địa chỉ cụ thể, anh D đi khoảng 2, 3 tuần mới về nhà một lần, bà và anh D vẫn liên lạc qua điện thoại. Do anh Du và chị L không thống nhất được nơi ở nên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng hay cải vã nhau, từ khi sinh con chị L đi về nhà cha mẹ ruột ở luôn đến nay, vợ chồng sống ly thân luôn. Việc Tòa án giao giấy các loại giấy tờ bà có điện thoại nói cho anh D biết, nhưng do bận đi làm không về được. Ý kiến của anh D là không đồng ý ly hôn, nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh D đồng ý giao con cho L nuôi, anh D không đồng ý cấp dưỡng. Từ các chứng cứ trên cho thấy, anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2014, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lệ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị L và anh D có 01 người con chung là Châu Hoàng D', sinh ngày 18-12-2014. Con chung đang sống với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ ngày anh chị sống ly thân, cháu D' sống chung với chị L được chị L chăm sóc, giáo dục. Hiện nay, chị L làm công nhân, thu nhập ổn định nên chị L có đủ điều kiện và khả năng để nuôi dạy cháu D' thành niên, nên cần giao chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung:* Chị L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Chị L khai không có nên không giải quyết. Nếu sau này anh D có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[7] *Về án phí sơ thẩm*: Chị L phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Mỹ L đối với anh Châu Văn D. Chị L được ly hôn với anh D.

2. Về con chung: Giao cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Châu Hoàng D', sinh ngày 18-12-2014. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Nếu sau này anh D có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về nợ chung: Chị L khai không có nên không giải quyết. Nếu sau này anh D có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Tâm đã nộp theo biên lai thu số 0012194 ngày 02-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- UBND xã BĐ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị An